

Bản án số: 229/2018/DS-PT
Ngày 08/02/2018
V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Ngọc Thạch

Các Thẩm phán: Ông Ưông Văn Tuấn

Bà Phan Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thanh Thảo Linh, thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và 08 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 478/DSPT ngày 13 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do bản án số 383/2017/DS-ST ngày 09/8/2017 của Toà án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2018/QĐPT, ngày 03 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Trần Đạt N, sinh năm 1977; cư trú tại: 69/24 đường N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ T (tên cũ Nguyễn Thị T), sinh năm 1970; cư trú tại: 51 đường T, Phường F, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: 47/2/16C đường B, Phường V, Quận B, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 01/11/2017). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty Đ (tên cũ là Công ty Cổ phần Đăng K); trụ sở chính tại: 57/31 đường C, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1950; cư trú tại: 227 đường T, Phường W, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở khác: 57/31 đường C, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; là

người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 26/5/2014). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1950; cư trú tại: 227 đường T, Phường W, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở khác: 57/31 C, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Công ty Cổ phần N, trụ sở chính tại: E4/7/32 Khu Trung tâm đô thị C, phường T, Thành phố Vũng Tàu. Người đại diện theo pháp luật là bà Trần Thị X, là Tổng giám đốc Công ty. *(Bà X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).*

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lê Trần Đạt N, Bị đơn Công ty Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải ngày 08/7/2014 và 27/11/2014, nguyên đơn ông Lê Trần Đạt N do Bà Nguyễn Thị Mỹ T (tên cũ là Nguyễn Thị T) đại diện trình bày:

Ông N có quen biết với Ông Nguyễn Đăng K và biết ông K là chồng của bà giám đốc Công ty Cổ phần Đăng K (nay đổi tên thành Công ty Đ) nên khi ông K hỏi mượn tiền cho Công ty Đăng K thì Ông N có chuyển cho Công ty Cổ phần Đăng K, nay đổi tên là Công ty Đ số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu) đồng vào ngày 23/11/2010. Việc vay mượn do Ông N và ông K thỏa thuận miệng với nhau với lãi suất 2%/tháng, cho vay không thời hạn, khi nào Ông N cần thì báo cho Công ty Đăng K để trả trong thời hạn 01 tháng. Ông N đã chuyển khoản trực tiếp cho Công ty Đăng K thông qua tài khoản của Công ty Cổ phần Đăng K tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam– Chi nhánh Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến đầu năm 2013, Ông N yêu cầu Công ty Đăng K trả tiền nhưng Công ty Đăng K không trả cả tiền vốn và tiền lãi. Do vậy, Ông N yêu cầu Công ty Đăng K nay là Công ty Đ phải trả tiền gốc vay là 300.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/6/2015, Ông N yêu cầu Công ty Đ phải trả tiền lãi tính trên nợ gốc theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước từ ngày 23/11/2010 tạm tính đến ngày 03/6/2015 là 124.275.000 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 10/8/2016 và biên bản hòa giải ngày 20/6/2017, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Việc Ông N cho Công ty Đ vay số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng là việc cá nhân của Ông N, không liên quan đến ai khác và cũng không liên quan đến Công ty Cổ phần N vì Ông N cho mượn tiền trước khi Công ty Cổ phần N thành lập. Ông N cũng không yêu cầu chuyển trả tiền mượn vào tài khoản của Công ty Cổ phần N. Ngày 19/10/2011 Ông N có rút số tiền 279.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi chín triệu đồng) tại Ngân hàng Hàng Hải - Chi nhánh Vũng Tàu

theo yêu cầu của Giám đốc Công ty CP N, do Ông N làm việc và có góp vốn tại Công ty CP N nên thỉnh thoảng có rút tiền từ tài khoản của Công ty theo yêu cầu của giám đốc. Sau khi rút tiền thì Ông N đã nộp lại toàn bộ số tiền đã rút cho Công ty CP N. Sau khi biết được đại diện phía bị đơn là ông K khai tại Toà án đã chuyển tiền trả cho Ông N vào tài khoản Công ty CP N, Ông N có hỏi lại thì giám đốc Công ty CP N trả lời không biết số tiền này và cũng không cho Ông N biết số tiền yêu cầu Ông N rút ngày 19/10/2011 là tiền gì. Việc Ông N ký séc rút tiền mã số MD 537471 ngày 19/10/2011 là có sự ủy quyền của chủ tài khoản nên Ông N mới rút được. Số tiền Ông N cho Công ty Đ mượn là tiền cá nhân Ông N, không liên quan đến ai khác.

Bị đơn Công ty Đ do Ông Nguyễn Đăng K là người đại diện theo ủy quyền và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày tại các bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 08/7/2014, ngày 27/11/2014, 10/8/2016, đơn trình bày ngày 08/9/2015:

Ông K không quen biết với nguyên đơn là ông Lê Trần Đạt N. Thời điểm năm 2010 ông K chưa làm việc tại Công ty CP Đăng K (nay là Công ty Cổ phần Đ). Tuy nhiên Công ty Đăng K thỉnh thoảng có nhờ ông coi về kỹ thuật công trình. Ông không vay tiền của Ông N cho Công ty Đăng K. Việc Ông N tự ý chuyển tiền vào tài khoản của Công ty CP Đăng K ông có được nghe kế toán Công ty Đăng K nói. Khi Công ty CP Đăng Khanh liên hệ với Ông N để trả tiền lại thì Ông N có nhờ Công ty Đăng K giới thiệu và làm hồ sơ dự thầu cho Ông N. Sau đó, Ông N đồng ý trừ số tiền 20.000.000 đồng tiền chi phí làm hồ sơ dự thầu vào số tiền 300.000.000 đồng và yêu cầu Công ty CP Đăng K chuyển trả số tiền 280.000.000 đồng cho Ông N vào tài khoản của Công ty Cổ phần N. Ngày 19/10/2011 Công ty Đăng K đã chuyển 280.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Cổ phần N có trụ sở tại E4/7/32 Khu Trung tâm đô thị C, phường 10, Thành phố Vũng Tàu, số tài khoản là 08001010044574 tại Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu, phiếu chuyển tiền có ghi nội dung trả tiền cho ông Lê Trần Đạt N. Sau khi chuyển tiền, Công ty CP Đăng K đã báo cho Ông N biết, Ông N đã đến ngân hàng rút số tiền này. Nội dung chuyển tiền ghi rõ là chuyển trả tiền cho ông Lê Trần Đạt N và chính Ông N là người rút tiền nên Ông N không thể không biết Công ty CP Đăng K đã trả tiền cho Ông N. Mặt khác, thời điểm đó Ông N đang là thành viên góp vốn của Công ty CP N. Công ty CP Đăng K và Công ty CP N không có bất cứ hợp tác giao dịch, vay mượn nào để dẫn đến việc Công ty CP Đăng K phải chuyển tiền trả cho Công ty CP N. Do vậy bị đơn không đồng ý trả số tiền 300.000.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu.

Ngày 19/5/2015, Công ty Đ có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu Công ty CP N phải trả lại số tiền 280.000.000 đồng mà Công ty CP Đăng K đã chuyển vào tài khoản của Công ty CP N. Tuy nhiên, ngày 18/6/2015, Công ty Đ đã rút lại yêu cầu này.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/6/2017, ông K đại diện bị đơn trình bày: Sau khi xác minh tại Ngân hàng Hàng Hải, ông được biết chính Ông N là

người đã rút số tiền mà Công ty Đ chuyển vào tài khoản của Công ty CP N nên việc chuyển trả tiền cho Ông N là phù hợp. Việc cản trừ 20.000.000 đồng tiền Ông N thuê Công ty Đ làm hồ sơ đấu thầu, hai bên chỉ thỏa thuận miệng việc cản trừ, không có văn bản, giấy tờ gì. Khi chuyển trả tiền cho Ông N có ghi “trả lại tiền mượn” là do bộ phận kế toán ghi để báo cáo thuế, thực chất không có việc vay mượn tiền của Ông N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần N, do bà Trần Thị X là người đại diện theo pháp luật trình bày tại biên bản lời khai ngày 30/9/2014: Ông N làm việc cho Công ty Cổ phần N từ tháng 12/2010, là cổ đông, giữ chức chủ tịch hội đồng quản trị của Công ty. Bà X trình bày Công ty CP N chưa nhận bất cứ khoản tiền nào do Công ty Đ chuyển vào tài khoản của Công ty N để trả cho ông Lê Trần Đạt N.

Bản án sơ thẩm số 383/2017/DS-ST ngày 09/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;
- Áp dụng khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, ông Lê Trần Đạt N:

- Buộc Công ty Đ phải trả cho ông Lê Trần Đạt N số tiền 300.000.000 (*ba trăm triệu*) đồng. Phương thức trả: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực thi hành và thực hiện tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Trần Đạt N về việc yêu cầu Công ty Đ phải trả 183.900.000 (*một trăm tám mươi ba triệu chín trăm ngàn*) đồng tiền lãi.

2/ Đình chỉ yêu cầu của Công ty Đ về việc đòi Công ty Cổ phần N trả số tiền 280.000.000 đồng.

3/ Về án phí:

Ông Lê Trần Đạt N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.195.000 (chín triệu một trăm chín mươi lăm ngàn) đồng, được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo 02 biên lai thu tạm ứng án phí số 06747 ngày 13/5/2014 và 0004186 ngày 30/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Ông N còn được nhận lại số tiền 1.411.875 (một triệu bốn trăm mười một ngàn tám trăm bảy mươi lăm) đồng cũng theo 02 biên lai thu nói trên.

Công ty Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, được cản trừ vào số tiền án phí 7.000.000 (bảy triệu) đồng mà Công ty Đ được hoàn trả lại theo biên lai thu số 0003947 ngày 20/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Công ty Đ còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.000.000 (tám triệu) đồng.

Án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 24/8/2017, nguyên đơn ông Lê Trần Đạt N nộp đơn kháng cáo; ngày 24/8/2017, bị đơn Công ty Đ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn ông Lê Trần Đạt N trình bày yêu cầu kháng cáo với nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền lãi tính trên số nợ gốc 300.000.000 đồng theo lãi suất ngân hàng (9% năm) từ ngày 23/11/2010 đến nay là 7 năm, 2 tháng, 9 ngày x 9% năm = 194.175.000 đồng.

Bị đơn Công ty Đ trình bày yêu cầu kháng cáo với nội dung: đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do bị đơn đã trả hết số nợ 300.000.000 đồng cho ông Lê Trần Đạt N.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng, Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý, xét xử vụ án đúng quy định; Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét kháng cáo của các bên đương sự, nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu kháng cáo nhưng đều không xuất nạp thêm chứng cứ gì khác, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Trần Đạt N, bị đơn Công ty Đ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Căn cứ vào ủy nhiệm chi ngày 19/10/2011 của Công ty Cổ phần Đăng K, sổ phụ tài khoản của Công ty CP Đăng K tại Ngân hàng Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình ngày 19/10/2011, Công văn số 01/2017/CV-MSBBC ngày 26/5/2017 của Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Cộng Hòa thì ngày 19/10/2011 Công ty Cổ phần Đăng K có chuyển số tiền 280.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần N tại Phòng giao dịch Bàu Cát; Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam đã chuyển thành công số tiền trên vào tài khoản Công ty Cổ phần N, nội dung thể hiện: “Công ty CP Đăng K trả lại tiền mượn Lê Trần Đạt N”. Lý do Công ty CP Đăng K chỉ chuyển trả số tiền 280.000.000 đồng, bị đơn khai do đã thỏa thuận cản trừ 20.000.000 đồng là tiền chi phí cho việc bị đơn giới thiệu, làm hồ sơ dự thầu cho nguyên đơn nên

số tiền còn phải trả lại cho nguyên đơn là 280.000.000 đồng, tuy nhiên ngoài lời khai, bị đơn không có chứng cứ chứng minh việc thỏa thuận cầm trả này và cũng không được nguyên đơn thừa nhận.

[2] Xét thấy, theo các tài liệu có trong hồ sơ và chứng cứ do các bên đương sự xuất trình, có căn cứ xác định Công ty Cổ phần Đăng K (nay là Công ty Đ) vào ngày 19/10/2011 có chuyển số tiền 280.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Cổ phần N tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Vũng Tàu, có nội dung của bên thụ hưởng thể hiện Công ty Đăng K trả lại tiền mượn Lê Trần Đạt N ghi trên Ủy nhiệm chi số 02 ngày 19/10/2011. Cùng ngày 19/10/2011, Công ty Cổ phần N ký séc rút tiền (279.000.000 đồng) tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Vũng Tàu do chính ông Lê Trần Đạt N, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần N ký phát.

[3] Xét việc nguyên đơn Ông N khai rằng đã ký rút số tiền 279.000.000 đồng từ tài khoản Công ty Cổ phần N ngày 19/10/2011 là do được sự ủy quyền của chủ tài khoản Công ty Cổ phần N là bà Trần Thị Như Ngọc từ ngày 22/12/2010 (thể hiện bằng giấy ủy quyền ngày 22/12/2010 do Ngân hàng Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu cung cấp), sau đó nguyên đơn đã nộp lại số tiền 279.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần N thể hiện bằng phiếu thu số PT10/01 ngày 19/10/2011. Như vậy có căn cứ xác định Công ty Đ có chuyển trả số nợ 280.00.000 đồng tiền mượn của ông Lê Trần Đạt N nhưng chuyển khoản vào tài khoản của Công ty Cổ phần N (do ông Lê Trần Đạt N là chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty này).

Ông N cho rằng chỉ rút tiền theo ủy quyền của chủ tài khoản là bà Trần Thị Như Ngọc (Tổng giám đốc Công ty) và sau đó nộp số tiền đã rút vào tài khoản của Công ty Cổ phần N, không biết đó là tiền gì. Trong khi đó, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần N, do bà Trần Thị X thể hiện: Ông N làm việc cho Công ty Cổ phần N từ tháng 12/2010, là cổ đông góp vốn, giữ chức chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty. Bà X trình bày Công ty CP N chưa nhận bất cứ khoản tiền nào do Công ty Đ chuyển vào tài khoản của Công ty N để trả cho ông Lê Trần Đạt N. Như vậy lời khai của Ông N và Công ty Cổ phần N là hoàn toàn mâu thuẫn nhau, không hợp lý, không lý giải được đối với số tiền 280.000.000 đồng mà Công ty Đ đã chuyển trả. Trong khi đó Ông N là người của Công ty CP N, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty.

[4] Tuy nhiên, với các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định ngày 19/10/2011 Công ty Cổ phần Đăng K đã chuyển trả số tiền 280.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần N tại Phòng giao dịch Bàu Cát, Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam và cùng ngày 19/10/2011, Công ty Cổ phần N ký séc rút tiền (279.000.000 đồng) tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Vũng Tàu do chính ông Lê Trần Đạt N, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần N ký phát. Ông Lê Trần Đạt N giữ chức vụ chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần N và là người được ủy quyền thường xuyên của chủ tài khoản (bà Trần Thị Như Ngọc, Tổng giám đốc thời điểm đó) không thể nói

rằng không biết nội dung chuyển trả khoản tiền trên từ Công ty Cổ phần Đăng K (nay là Công ty Đ). Việc Ông N nộp lại số tiền trên cho Công ty Cổ phần N là việc nội bộ của Công ty Cổ phần N.

Từ những nhận định trên, có căn cứ xác định Công ty Cổ phần Đăng K (nay là Công ty Đ) đã trả cho ông Lê Trần Đạt N số tiền 280.000.000 đồng thông qua tài khoản của Công ty Cổ phần N. Số tiền còn lại 20.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Đăng K (nay là Công ty Đ) cho rằng khấu trừ vào chi phí dự thầu đã làm cho Ông N, nhưng không được Ông N thừa nhận nên Công ty Cổ phần Đăng K (nay là Công ty Đ) phải có nghĩa vụ trả tiếp khoản tiền còn nợ của Ông N là 20.000.000 đồng. Do vậy yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có căn cứ nên được chấp nhận một phần, sửa án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

[5] Xét kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên tổng số nợ: Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn khai chuyển tiền cho bị đơn là do ông K hỏi mượn giùm cho bị đơn Công ty Cổ phần Đăng K (nay là Công ty Đ), không được ông K cũng như bị đơn thừa nhận có việc vay mượn này. Mặt khác, ông K cũng không phải là người đại diện theo pháp luật của bị đơn nên không có quyền tự thực hiện các giao dịch vay mượn thay cho bị đơn. Việc nguyên đơn khai có nhận được email của bị đơn ngày 10/11/2010 với nội dung ghi số tài khoản của bị đơn cũng không thể hiện đó là sự thỏa thuận vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn. Như vậy, xét việc nguyên đơn chuyển số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản của bị đơn là có thật, nhưng không có chứng cứ thể hiện các nội dung thỏa thuận về thời hạn vay, lãi suất vay, cũng như thời điểm nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền. Do vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trên số nợ 300.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí:

Nguyên đơn không được chấp nhận yêu cầu về tiền nợ 280.00.000 đồng và tiền lãi là 183.900.000 đồng, tổng cộng 463.900.000 đồng nên phải chịu án phí theo qui định là 22.556.000 đồng.

Bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng nên bị đơn phải chịu án phí theo qui định của pháp luật là 1.000.000 đồng.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 7.000.000 đồng cho bị đơn do đã rút lại yêu cầu phản tố.

Do sửa án sơ thẩm người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Đ ; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Trần Đạt N.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 383/2017/DS-ST, ngày 09/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Trần Đạt N:

- Buộc Công ty Đ phải trả cho ông Lê Trần Đạt N số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Trần Đạt N về việc yêu cầu Công ty Đ phải trả khoản tiền nợ 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*) và 183.900.000 (*một trăm tám mươi ba triệu chín trăm ngàn*) đồng tiền lãi.

2/ Đình chỉ yêu cầu của Công ty Đ về việc đòi Công ty Cổ phần N trả số tiền 280.000.000 đồng (*hai trăm tám mươi triệu đồng*).

Trường hợp Công ty Đ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Lê Trần Đạt N phải chịu án phí 22.556.000 đồng (*hai mươi hai triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.606.875 đồng (*mười triệu sáu trăm lẻ sáu ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng*) theo các biên lai thu số 06747 ngày 13/5/2014 (7.500.000 đồng) và 0004186 ngày 30/6/2015 (3.106.875 đồng) của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình. Nguyên đơn còn phải nộp số tiền 11.949.125 đồng (*mười một triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn một trăm hai mươi lăm đồng*).

Bị đơn Công ty Đ phải chịu án phí 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*).

Hoàn trả lại cho bị đơn Công ty Đ 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003947 ngày 20/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, do đã rút yêu cầu phản tố.

4/ Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Lê Trần Đạt N tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0006764 ngày

24/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho bị đơn Công ty Đ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0006768 ngày 25/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu (L-22).

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Ngọc Thạch